# *Ngày soạn: 01/10/2024*

# *Ngày dạy : 08/10/2024*

# *Người dạy: Nguyễn Thị Phương Thảo*

# CHỦ ĐIỂM: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

**TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Từ đồng nghĩa**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***Học xong bài này HS đạt các yêu cầu sau:***

- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***-*** Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học. Nâng cao kĩ năng vận từ đồng nghĩa vào thực tiễn.

- Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***-*** Biết cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên. Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh minh họa bài đọc.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**- GV tổ chức trò chơi “Hái hoa” để khởi động bài học- GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới.**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****Hoạt động 1: Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa****a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**- Nắm được khái niệm về từ đồng nghĩa. **b. Tổ chức thực hiện***Bài 1:* - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- HS nêu từ in đậm có trong đoạn văn.- HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi.+ GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).+ GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án: Bài 2: - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- HS thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi.+ GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).+ GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án. - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình cho HS: * *Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…)*
* *Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.*

- GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ. - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS: **Hoạt động 2: Thực hành kiến thức về từ đồng nghĩa****a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**- HS vận dụng được làm các bài tập, câu hỏi có liên quan. **b. Tổ chức thực hiện**- GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT3: *Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?* *a. Chân yếu tay mềm.* *b. Thức khuya dậy sớm.* *c. Đầu voi đuôi chuột.* *d. Một nắng hai sương.* *e. Ngăn sông cấm chợ.* *g. Thay hình đổi dạng.* + GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh ai đúng”+ GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án: *e. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn và cấm.* *g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay và đổi, hình và dạng.* - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT4: *Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.* *Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.**(Theo Vũ Hùng)*+ GV tổ chức hoạt động cá nhân cho HS thực hiện nhiệm vụ trên. + GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả, các HS khác nhận xét và phát biểu ý kiến.  | - HS tham gia chơi- HS ghi bài mới. - HS đọc nhiệm vụ của BT.- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS theo dõi, xem trên màn hình. - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.- HS trả lời.- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS đọc kĩ phần ghi nhớ.- HS lắng nghe, tiếp thu. - HS đọc nhiệm vụ BT. - HS đọc nhiệm vụ hoạt động. + HS tham gia chơi- HS làm theo hướng dẫn của GV. - HS phát biểu ý kiến, các HS khác chú ý và nhận xét. - HS lắng nghe, tiếp thu.  |

|  |
| --- |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố kiến thức về: Từ đồng nghĩa+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu hs tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:Lên rừng bắt tép kho càXuống sông hái **quả** thanh trà về ănLên rừng bắt con cá măngXuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...(Ca dao)- Nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của HS. | - HS làm việc theo nhóm+ Từ đồng nghĩa với quả: trái+ Từ đồng nghĩa với hổ: cọp, hùm,…+ Từ đồng nghĩa với mang: đem- Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................